

Số: 1908/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 17 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phân bổ gạo hỗ trợ học sinh kỳ I năm học 2021-2022 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019

Căn cứ Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về việc quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Quyết định số 543/QĐ-TCĐT ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Tổng cục Trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước về việc xuất gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ cho học sinh học kỳ I năm học 2021-2022;

Xét đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 55/TTr-SGDĐT ngày 15/9/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ 168.000 kg gạo hỗ trợ học sinh ở các xã, thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang học kỳ I năm học 2021-2022 theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ về việc quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn.

(Chi tiết tại biểu đính kèm)

Điều 2. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Hà Bắc và UBND các huyện, thành phố có học sinh được hỗ trợ gạo thực hiện việc tiếp nhận, quản lý và phân phối cho các đối tượng được hỗ trợ theo đúng quy định hiện hành, thời gian xong trước ngày 20/10/2021.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện, thành phố có học sinh được hỗ trợ gạo căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, TH, TKCT;
- Lưu: VT, KGVX.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Sơn



TỔNG HỢP PHÂN BỐ GẠO HỖ TRỢ HỌC SINH HỌC KỲ I NĂM HỌC 2021-2022

Đơn vị tính: kg

| STT | Tên đơn vị | Tổng số học sinh được hưởng năm học 2021-2022 | Số gạo phân bổ học kỳ I năm học 2021-2022 | | | Địa điểm nhận gạo |
|-----------|---------------------------|---|---|---------------------|-----------------------------------|----------------------------|
| | | | Mức hỗ trợ gạo 01 tháng/học sinh | Số tháng được hưởng | Số phân bổ kỳ I năm học 2021-2022 | |
| I | Huyện Sơn Động | 1.152 | | | 69.120 | Phòng GD&ĐT huyện Sơn Động |
| 1 | Phòng GD&ĐT Sơn Động | 712 | 15 | 4 | 42.720 | |
| 2 | Trường THPT Sơn Động số 1 | 210 | 15 | 4 | 12.600 | |
| 3 | Trường THPT Sơn Động số 2 | 200 | 15 | 4 | 12.000 | |
| 4 | Trường THPT Sơn Động số 3 | 30 | 15 | 4 | 1.800 | |
| II | Huyện Lục Ngạn | 1.028 | | | 61.680 | Phòng GD&ĐT huyện Lục Ngạn |
| 1 | Phòng GD&ĐT Lục Ngạn | 556 | 15 | 4 | 33.360 | |
| 2 | Trường THPT Lục Ngạn số 1 | 15 | 15 | 4 | 900 | |
| 3 | Trường THPT Lục Ngạn số 2 | 159 | 15 | 4 | 9.540 | |
| 4 | Trường THPT Lục Ngạn số 3 | 12 | 15 | 4 | 720 | |
| 5 | Trường THPT Lục Ngạn số 4 | 270 | 15 | 4 | 16.200 | |
| 6 | Trường THPT Lục Ngạn số 5 | 16 | 15 | 4 | 960 | |

| | | | | | | |
|-------------|----------------------------|--------------|----|---|----------------|---|
| III | Huyện Lục Nam | 436 | | | 26.160 | |
| 1 | Phòng GD&ĐT Lục Nam | 141 | 15 | 4 | 8.460 | Trường THPT Lục Nam |
| 2 | Trường THPT Lục Nam | 70 | 15 | 4 | 4.200 | |
| 3 | Trường THPT Tứ Sơn | 194 | 15 | 4 | 11.640 | |
| 4 | Trường THPT Cẩm Lý | 1 | 15 | 4 | 60 | |
| 5 | Trường THPT Thanh Lâm | 30 | 15 | 4 | 1.800 | |
| IV | Huyện Yên Thế | 181 | | | 10.860 | |
| 1 | Phòng GD&ĐT Yên Thế | 51 | 15 | 4 | 3.060 | Trường THPT Yên Thế |
| 2 | Trường THPT Bồ Hạ | 39 | 15 | 4 | 2.340 | |
| 3 | Trường THPT Yên Thế | 83 | 15 | 4 | 4.980 | |
| 4 | Trường THPT Mỏ Trạng | 8 | 15 | 4 | 480 | |
| VI | Thành phố Bắc Giang | 3 | | | 180 | Tại trường THPT Chuyên Bắc Giang |
| 1 | THPT Chuyên Bắc Giang | 3 | 15 | 4 | 180 | |
| Cộng | | 2.800 | | | 168.000 | |